



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hsu Ching Yao Ông Wang Ting Shu Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2023) Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

20
TY
LÀ
PE
A
AM
Đ

M.S.C.N.
TH

12-001-C.T.I.A.N
HÀNH
Y TNHH
MG
IỐ CHỈ DÀNH



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00375-24-1



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		516.791.585.282	722.011.106.957
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.765.894.300	69.889.236.300
Tiền	111		32.497.322.797	69.889.236.300
Các khoản tương đương tiền	112		1.268.571.503	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.751.981.656	82.440.130.353
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	62.751.981.656	82.440.130.353
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.007.884.476	310.747.389.113
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	156.732.055.685	266.448.539.381
Trả trước cho người bán	132	6(b)	24.507.320.320	43.544.163.457
Phải thu ngắn hạn khác	136		792.467.759	1.778.645.563
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	7	211.342.548.802	239.030.737.993
Hàng tồn kho	141		213.136.441.614	241.189.097.180
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.793.892.812)	(2.158.359.187)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.923.276.048	19.903.613.198
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.626.546.185	2.666.692.600
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	25.586.886.343	13.588.409.073
Thuế phải thu Nhà nước	153		590.412.865	3.463.700.870
Tài sản ngắn hạn khác	155		119.430.655	184.810.655
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		175.388.803.609	180.207.419.797
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		46.123.685.001	55.007.008.311
Tài sản cố định hữu hình	221	9	46.123.685.001	55.007.008.311
Nguyên giá	222		350.859.644.147	349.433.838.577
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(304.735.959.146)	(294.426.830.266)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.000.078.800)	(1.000.078.800)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.230.182.354	300.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	4.230.182.354	300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.233.288.817	2.098.764.049
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.810.611.002	1.621.416.278
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		422.677.815	477.347.771
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		692.180.388.891	902.218.526.754

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

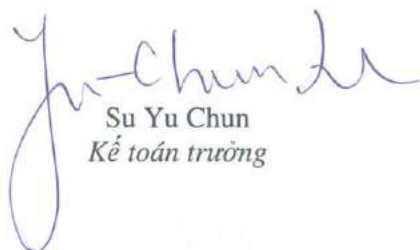
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		257.690.500.924	442.857.868.701
Nợ ngắn hạn	310		257.690.500.924	442.857.868.701
Phải trả người bán	311	12	5.453.388.057	5.551.401.003
Người mua trả tiền trước	312		3.670.280.518	19.207.020.388
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(b)	507.203.972	596.106.312
Phải trả người lao động	314		5.184.081.600	5.816.089.400
Chi phí phải trả	315		2.205.156.747	2.322.209.164
Phải trả ngắn hạn khác	319		31.921.497	142.318.657
Vay ngắn hạn	320	14	240.638.468.533	409.222.723.777
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		434.489.887.967	459.360.658.053
Vốn chủ sở hữu	410	15	434.489.887.967	459.360.658.053
Vốn cổ phần	411	16	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	18	104.160.685.081	99.368.153.238
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.702.592.249	53.365.894.178
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.624.711.250	35.408.676.745
- (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	421b		(16.922.119.001)	17.957.217.433
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		692.180.388.891	902.218.526.754

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

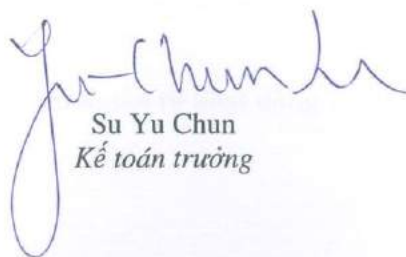
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	20	1.002.152.232.273	1.660.264.542.068
Giá vốn hàng bán	11	21	948.587.385.642	1.578.968.955.476
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		53.564.846.631	81.295.586.592
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	19.867.932.027	25.766.435.057
Chi phí tài chính	22	23	34.735.719.185	38.599.592.274
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.651.167.719	24.752.634.593
Chi phí bán hàng	25	24	16.961.204.029	19.055.684.327
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	27.593.577.195	27.300.801.124
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(5.857.721.751)	22.105.943.924
Thu nhập khác	31		47.456.069	123.171.348
Chi phí khác	32		3.521.905.858	2.148.184
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.474.449.789)	121.023.164
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.332.171.540)	22.226.967.088
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	7.535.277.505	4.370.539.207
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	27	54.669.956	(100.789.552)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(16.922.119.001)	17.957.217.433

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(9.332.171.540)	22.226.967.088
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		10.309.128.880	10.908.282.463
Các khoản dự phòng	03		(364.466.375)	671.930.349
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.429.209.306)	3.918.149.130
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(4.130.888.576)	(3.982.054.723)
Chi phí lãi vay	06		21.651.167.719	24.752.634.593
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.703.560.802	58.495.908.900
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		123.664.435.412	(44.207.159.431)
Biến động hàng tồn kho	10		28.052.655.566	161.185.234.439
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(18.255.256.246)	(48.534.166.068)
Biến động chi phí trả trước	12		850.951.691	(268.389.155)
			149.016.347.225	126.671.428.685
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.223.071.856)	(23.592.236.022)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.661.989.500)	(5.101.418.942)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(814.730.413)	(1.707.967.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		120.316.555.456	96.269.806.468
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.996.887.924)	(2.114.193.415)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	121.828.000
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(138.273.515.063)	(190.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		157.961.663.760	160.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.050.804.380	2.751.295.216
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.742.065.153	(29.241.070.199)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		919.809.061.373	1.457.775.426.758
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(1.088.857.323.484)	(1.521.698.257.066)
Tiền chi trả cổ tức	36		(7.133.920.672)	(16.949.430.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(176.182.182.783)	(80.872.260.507)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(36.123.562.174)	(13.843.524.238)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		69.889.236.300	83.553.778.299
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		220.174	178.982.239
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	33.765.894.300	69.889.236.300

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Trụ sở chính có 227 nhân viên (1/1/2023: 246 nhân viên).

(e) Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

Trong năm, phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính) lần lượt là 228 triệu VND và 425 triệu VND (2022: lần lượt là 228 triệu VND và 415 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính này.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Trụ sở chính phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm trước.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	553.255.000	331.695.000
Tiền gửi ngân hàng	31.944.067.797	69.557.541.300
Các khoản tương đương tiền	1.268.571.503	-
	<hr/>	<hr/>
	33.765.894.300	69.889.236.300

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm từ 2,1% đến 5,0% trong năm.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Lãi suất	31/12/2023	1/1/2023
	năm	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	4,0% - 9,0%	62.751.981.656	82.440.130.353

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Trụ sở chính với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2023: 1.240 triệu VND nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Trụ sở chính và 1.200 triệu VND nhằm mục đích đảm bảo thanh toán cho việc cung cấp điện từ nhà cung cấp).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	4.151.354.856	7.640.227.833
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	33.323.422.726	85.267.316.128
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	23.667.127.691	58.457.622.692
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	25.256.283.679	18.652.294.154
Các khách hàng khác	70.333.866.733	96.431.078.574
	156.732.055.685	266.448.539.381

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Trả trước cho người bán

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Đức Biên để mua nguyên vật liệu	23.562.303.138	43.253.325.522
Các nhà cung cấp khác	945.017.182	290.837.935
	24.507.320.320	43.544.163.457

(c) Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.023.959.288	1.119.078.212
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(95.118.924)
Số dư cuối năm	1.023.959.288	1.023.959.288

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	660.837.996	-
Nguyên vật liệu	31.792.620.908	-	30.698.967.945	-
Sản phẩm dở dang	62.287.454.022	(112.540.086)	5.442.383.519	(757.120.862)
Thành phẩm	119.056.366.684	(1.681.352.726)	204.386.907.720	(1.401.238.325)
	<u>213.136.441.614</u>	<u>(1.793.892.812)</u>	<u>241.189.097.180</u>	<u>(2.158.359.187)</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.158.359.187	1.391.309.914
Tăng dự phòng trong năm	-	767.049.273
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(364.466.375)	-
	<u>1.793.892.812</u>	<u>2.158.359.187</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 57.375 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2023: 41.572 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	79.822.207.522	253.442.356.310	9.356.758.516	4.266.948.422	2.545.567.807	349.433.838.577
Tăng trong năm	200.000.000	285.114.110	-	-	-	485.114.110
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	200.000.000	-	-	740.691.460	-	940.691.460
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	80.222.207.522	253.727.470.420	9.356.758.516	5.007.639.882	2.545.567.807	350.859.644.147
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	65.710.376.365	214.155.432.630	8.348.284.997	3.802.623.267	2.410.113.007	294.426.830.266
Khấu hao trong năm	1.456.149.522	8.162.305.817	502.410.341	160.339.200	27.924.000	10.309.128.880
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	67.166.525.887	222.317.738.447	8.850.695.338	3.962.962.467	2.438.037.007	304.735.959.146
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	14.111.831.157	39.286.923.680	1.008.473.519	464.325.155	135.454.800	55.007.008.311
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	13.055.681.635	31.409.731.973	506.063.178	1.044.677.415	107.530.800	46.123.685.001

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 239.552 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 233.920 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	300.000.000
Tăng trong năm	4.870.873.814
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(940.691.460)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.230.182.354
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
Máy móc và thiết bị	3.930.182.354	-
	<hr/>	<hr/>
	4.230.182.354	300.000.000
	<hr/>	<hr/>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.140.666.571	480.749.707	1.621.416.278
Tăng trong năm	-	689.774.156	689.774.156
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(443.730.872)	(500.579.432)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.083.818.011	726.792.991	1.810.611.002
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	727.665.337	727.665.337	1.207.642.793	1.207.642.793
<i>Các bên thứ ba</i>				
Tong Hsieh Chemical Industrial Co., Ltd	1.332.355.200	1.332.355.200	-	-
Công ty TNHH Vinacompound	942.480.000	942.480.000	-	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	489.243.500	489.243.500	606.768.300	606.768.300
Công ty TNHH Nhựa Vitahco	-	-	1.811.697.250	1.811.697.250
Các nhà cung cấp khác	1.961.644.020	1.961.644.020	1.925.292.660	1.925.292.660
	5.453.388.057	5.453.388.057	5.551.401.003	5.551.401.003

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.588.409.073	89.570.798.537	(24.000.000.000)	(53.572.321.267)	25.586.886.343

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	53.572.321.267	-	(53.572.321.267)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	56.297.823.566	(56.297.823.566)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.535.277.505	(4.661.989.500)	(2.873.288.005)	-
Thuế thu nhập cá nhân	596.106.312	1.334.074.795	(1.422.977.135)	-	507.203.972
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.628.080.210	(2.628.080.210)	-	-
Các loại thuế khác	-	1.005.775.377	(1.005.775.377)	-	-
	596.106.312	122.373.352.720	(66.016.645.788)	(56.445.609.272)	507.203.972

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm			31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	409.222.723.777	409.222.723.777	919.809.061.373	(1.088.857.323.484)	464.006.867	240.638.468.533	240.638.468.533

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	119.304.404.123	141.693.553.534
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking (a)	5,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,3%	62.937.349.516	-
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	50.042.181.794	85.742.026.153
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Biên Hòa (b)	50 tỷ VND	3,6%	5.795.747.074	-
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 0,94%	1.426.007.000	34.004.636.261
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	1.132.779.026	-
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	-	147.782.507.829
			240.638.468.533	409.222.723.777

- Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- Các khoản vay này không có đảm bảo.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	306.899.450.637	(272.840.000)	89.321.287.041	64.112.940.394	460.060.838.072
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.046.866.197	(10.046.866.197)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.707.967.253)	(1.707.967.253)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 17)	-	-	-	(27.612.523.800)	(27.612.523.800)
Cổ tức – 38,62% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17)	-	-	-	10.663.093.601	10.663.093.601
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.957.217.433	17.957.217.433
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	53.365.894.178	459.360.658.053
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.792.531.843	(4.792.531.843)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(814.730.413)	(814.730.413)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 17)	-	-	-	(12.272.232.800)	(12.272.232.800)
Cổ tức – 41,87% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17)	-	-	-	5.138.312.128	5.138.312.128
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(16.922.119.001)	(16.922.119.001)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	23.702.592.249	434.489.887.967

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. **Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Trụ sở chính như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

17. **Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 10 tháng 4 năm 2023 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 12.272 triệu VND (2022: 27.613 triệu VND). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 58,13% và 41,87% (2022: tỷ lệ lần lượt là 61,38% và 38,62%).

18. **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	3.624.670.800	3.624.670.800
Trong vòng hai đến năm năm	14.498.683.200	14.498.683.200
Sau năm năm	41.571.104.300	45.434.002.000
	<hr/>	<hr/>
	59.694.458.300	63.557.356.000
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	107.024	2.577.100.892	2.272.019	53.551.638.595
		<hr/>		<hr/>

20. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	990.234.423.673	1.642.185.946.068
▪ Bán hàng hóa	54.274.600	46.060.000
▪ Bán phế liệu	11.863.534.000	18.032.536.000
	<hr/>	<hr/>
	1.002.152.232.273	1.660.264.542.068
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	948.918.907.442	1.578.170.543.307
▪ Hàng hóa đã bán	32.944.575	31.362.896
▪ (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(364.466.375)	767.049.273
	<hr/>	<hr/>
	948.587.385.642	1.578.968.955.476

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.130.888.576	3.860.226.723
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.737.043.451	21.906.208.334
	<hr/>	<hr/>
	19.867.932.027	25.766.435.057

23. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	21.651.167.719	24.752.634.593
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.084.551.466	13.846.957.681
	<hr/>	<hr/>
	34.735.719.185	38.599.592.274

24. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	8.155.796.183	8.489.336.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.123.277.569	7.614.653.368
Chi phí khác	1.682.130.277	2.951.694.048
	<hr/>	<hr/>
	16.961.204.029	19.055.684.327

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	13.514.021.400	13.470.722.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.537.849.748	5.774.604.271
Chi phí khác	8.541.706.047	8.055.474.164
	27.593.577.195	27.300.801.124

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	948.951.852.017	1.578.201.906.203
Chi phí nhân công và nhân viên	44.695.577.355	45.084.796.743
Chi phí khấu hao	10.309.128.880	10.908.282.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.892.201.686	51.668.131.629
Chi phí khác	33.485.231.986	39.215.558.834

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	2.120.374.779	4.370.539.207
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.414.902.726	-
	7.535.277.505	4.370.539.207
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	54.669.956	(100.789.552)
	7.589.947.461	4.269.749.655

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.332.171.540)	22.226.967.088
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	(1.399.825.731)	3.334.045.063
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.454.814.777	675.354.206
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	120.055.689	260.350.386
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.414.902.726	-
	7.589.947.461	4.269.749.655

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế.

Ưu đãi thuế suất trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	-	711.854.480	-	-
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.535.887.691	2.629.205.627	727.665.337	1.207.642.793
Phí dịch vụ	19.780.200.000	19.172.700.000	-	-
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối (**)	9.822.695.133	22.099.654.800	-	-
Chi nhánh				
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	1.251.750.030	7.167.370.712	-	-
Cổ tức phải thu	5.138.312.128	10.663.093.601	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	31.288.190.079	77.537.139.148	4.151.354.856	7.640.227.833
Mua nguyên vật liệu	20.825.000	19.689.760	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên				
Hội đồng Quản trị và				
Ban Kiểm soát	3.219.006.611	4.259.572.760	-	-
Thù lao cho thành viên				
Ban Tổng Giám đốc	1.325.633.160	1.284.873.800	-	-
Cổ tức đã phân phối cho				
thành viên Hội đồng Quản trị	178.385.200	393.266.700	-	-
Phí bảo lãnh trả cho				
Ông Shen Shang Pang,				
Chủ tịch	284.344.743	483.089.346	12.820.744	122.994.941

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao), Trụ sở chính có quyền sử dụng thương hiệu và chứng chỉ UL của 8 sản phẩm sở hữu bởi Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.
- (**) Đây là toàn bộ cổ tức đã phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 41,87% (2022: 38,62%) được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17).

Phí, lương, thưởng thực tế của từng thành viên Hội đồng Quản trị Trụ sở chính và Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính như sau:

Tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và thưởng</i>			
Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch	1.147.089.481	1.725.963.910
Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch	938.516.401	1.146.256.750
Ông Shen Shang Hung	Thành viên	74.066.401	155.269.750
Ông Shen San Yi	Thành viên	74.066.401	155.269.750
Ông Wang Ting Shu	Thành viên	74.066.401	155.269.750
Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên	74.066.401	155.269.750
Ông Tu Ting Jui	Thành viên	74.066.401	155.269.750
Ông Lin Fu Chih	Thành viên	74.066.401	155.269.750
Ban Tổng Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và phúc lợi khác</i>			
Ông Hsu Ching Yao	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 4 năm 2023)	774.559.600	-
Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)	551.073.560	1.284.873.800

29. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc